

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
(đã được kiểm toán)

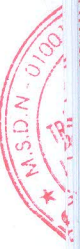
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13-32



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 và Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Chủ tịch
Bà Lê Thái Hưng	Phó Chủ tịch
Bà Hồ Thị Hiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Sanh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thái Hưng	Quyền Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Bích Thu	Ủy viên
Bà Dương Thị Trinh	Ủy viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

  
  
Nguyễn Xuân Biều  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2016



Số: 479/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 06 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các vấn đề sau:

- Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty đang đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Tòa nhà Công nghệ Thông tin - Truyền thông Hà Nội với tổng khối lượng là 2.400.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 19,2% cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Tòa nhà Công nghệ Thông tin - Truyền thông Hà Nội, cao hơn tỷ lệ quy định về hạn chế đầu tư tại Điểm 4d, Điều 44, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Tuy nhiên, khoản đầu tư này được mua từ tháng 6 năm 2010, trước thời điểm Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/12/2012 có hiệu lực, do đó ngày 17/03/2014, Công ty đã có Công văn số 82/2014/CV-VICS gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo về vấn đề này cũng như cam kết có lộ trình thoái vốn để đưa tỷ lệ đầu tư về hạn mức theo đúng quy định hiện hành.
- Đến thời điểm 31/12/2015, tổng giá trị đầu tư trực tiếp và đầu tư ủy thác vào Cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty là 68,407 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 28,44% vốn chủ sở hữu của Công ty (tính theo vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2015), cao hơn tỷ lệ quy định về hạn chế đầu tư tại Điểm 3, Điều 44, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Tuy nhiên cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tòa nhà Công nghệ Thông tin - Truyền thông Hà Nội với tổng giá trị là 43,680 tỷ đồng đã chiếm 63,85% trong tổng giá trị đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, được mua từ năm 2010, trước thời điểm Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/12/2012 có hiệu lực. Trong công văn số 82/2014/CV-VICS ngày 17/03/2014 Công ty cũng đã giải trình và báo cáo vấn đề này với Ủy ban chứng khoán Nhà nước cũng như cam kết lộ trình thoái vốn để đưa tỷ lệ đầu tư về hạn mức theo đúng quy định hiện hành.

Đến quý 1 năm 2016 Công ty đã tất toán 2.400.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tòa nhà Công nghệ Thông tin - Truyền thông Hà Nội theo đúng lộ trình thoái vốn đã cam kết.

Các vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

**Trương Thị Hoài Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>278.738.310.437</b>	<b>267.084.151.057</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	18.794.422.845	126.510.819.234
111	1. Tiền		18.794.422.845	126.510.819.234
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	67.995.870.000	71.417.290.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		69.723.619.600	75.261.949.600
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.727.749.600)	(3.844.659.600)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	77.768.628.589	68.317.203.002
131	1. Phải thu của khách hàng		881.844.830	258.644.830
132	2. Trả trước cho người bán		723.361.240	718.271.240
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		17.380.853.680	17.199.458.841
138	5. Các khoản phải thu khác		81.531.014.625	84.171.786.064
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(22.748.445.786)	(34.030.957.973)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		114.179.389.003	838.838.821
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		48.796.612	38.457.351
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	117.835.909	117.835.909
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	114.012.756.482	682.545.561
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.780.798.355</b>	<b>6.246.019.740</b>
220	II. Tài sản cố định		1.233.890.092	2.848.640.919
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	762.865.267	1.927.647.951
222	- Nguyên giá		10.214.935.488	10.328.505.468
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.452.070.221)	(8.400.857.517)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	471.024.825	920.992.968
228	- Nguyên giá		3.535.924.277	3.535.924.277
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.064.899.452)	(2.614.931.309)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
258	4. Đầu tư dài hạn khác		-	15.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(15.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.546.908.263	3.397.378.821
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		37.565.712	113.801.811
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	11	3.509.342.551	3.283.577.010
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>283.519.108.792</b>	<b>273.330.170.797</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>42.944.517.810</b>	<b>39.436.770.709</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>42.944.517.810</b>	<b>39.436.770.709</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	19.662.937.426	20.662.937.426
312	2. Phải trả người bán		-	350.980.542
313	3. Người mua trả tiền trước		84.750.050	95.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	648.983.347	408.792.151
315	5. Phải trả người lao động		120.507.402	-
316	6. Chi phí phải trả	14	5.510.891.687	3.708.898.647
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	16.916.447.898	14.210.159.663
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	2.280
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>240.574.590.982</b>	<b>233.893.400.088</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>240.574.590.982</b>	<b>233.893.400.088</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		341.333.000.000	341.333.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	14.625.850.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		-	(10.400.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.813.981.917	1.813.981.917
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.813.981.917	1.813.981.917
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(119.012.222.852)	(125.683.013.746)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>283.519.108.792</b>	<b>273.330.170.797</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
005	5. Ngoại tệ các loại (USD)		149,65	96,65
006	6. Chứng khoán lưu ký		545.224.460.000	399.309.110.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		517.466.760.000	382.570.290.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		150.000.000	-
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		427.316.760.000	292.570.290.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		90.000.000.000	90.000.000.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	2.593.310.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		-	2.593.310.000
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ		3.377.000.000	-
024	- Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước		3.377.000.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		20.978.400.000	14.008.500.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		20.978.400.000	14.008.500.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		3.402.300.000	137.010.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		3.402.300.000	137.010.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		3.826.270.000	3.432.510.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		3.826.270.000	3.432.510.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		3.826.270.000	3.432.510.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		39.957.410.000	38.162.160.000

Vũ Huyền Trâm  
Người lập

Vũ Huyền Trâm  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biểu  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2016



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu	17	9.709.570.938	14.220.676.882
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		4.844.573.671	3.694.880.338
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		60.350.000	559.458.092
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1.210.979.126	3.580.545.454
01.9	Doanh thu khác		3.593.668.141	6.385.792.998
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	17	9.709.570.938	14.220.676.882
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	18	7.121.799.688	(5.405.506.972)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		2.587.771.250	19.626.183.854
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(4.410.933.383)	9.627.906.022
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.998.704.633	9.998.277.832
31	8. Thu nhập khác	20	577.830.227	544.016.352
32	9. Chi phí khác	21	905.743.966	532.841.448
40	10. Lợi nhuận khác		(327.913.739)	11.174.904
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.670.790.894	10.009.452.736
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.670.790.894</u>	<u>10.009.452.736</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	195	293

Vũ Huyền Trâm  
Người lập

Vũ Huyền Trâm  
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Biểu  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2016



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.670.790.894	10.009.452.736
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.601.106.687	1.685.247.126
03	- Các khoản dự phòng		(13.414.422.187)	(15.084.686.809)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.586.488.721)	(5.385.066.855)
06	- Chi phí lãi vay		2.018.378.044	2.261.853.433
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.710.635.283)	(6.513.200.369)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.363.423.763	(20.189.216.430)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		5.538.330.000	(10.185.600.357)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.705.754.061	8.702.506.754
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		65.896.838	92.849.969
13	- Tiền lãi vay đã trả		(216.385.004)	(262.110.393)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	110.303.694.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(110.000.000.000)	(110.294.110.004)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(107.253.615.625)	(28.345.186.830)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		20.460.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.852.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	41.134.883.243
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		514.759.236	2.574.074.816
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		535.219.236	37.856.958.059
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.000.000.000)	(3.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(998.000.000)	(3.500.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(107.716.396.389)	6.011.771.229

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		126.510.819.234	120.499.048.005
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	18.794.422.845	126.510.819.234



Vũ Huyền Trâm  
Người lập



Vũ Huyền Trâm  
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Biều  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2016





**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2015

Năm 2015	Thuyết minh	01/01/2015 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2015 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	341.333.000.000	-	-	341.333.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	14.625.850.000	-	-	14.625.850.000
4.	Cổ phiếu quỹ	(10.400.000)	-	10.400.000	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
8.	Quỹ dự phòng tài chính	1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(125.683.013.746)	6.670.790.894	-	(119.012.222.852)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>16</b>	<b>233.893.400.088</b>	<b>6.670.790.894</b>	<b>10.400.000</b>	<b>240.574.590.982</b>

Năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2014 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	341.333.000.000	-	-	341.333.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	14.625.850.000	-	-	14.625.850.000
4.	Cổ phiếu quỹ	(10.400.000)	-	-	(10.400.000)
7.	Quỹ đầu tư phát triển	1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
8.	Quỹ dự phòng tài chính	1.813.981.917	-	-	1.813.981.917
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(135.692.466.482)	10.009.452.736	-	(125.683.013.746)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>16</b>	<b>223.883.947.352</b>	<b>10.009.452.736</b>	<b>-</b>	<b>233.893.400.088</b>



Vũ Huyền Trâm  
Người lập



Vũ Huyền Trâm  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biểu  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2016





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 và Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 341.333.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 341.333.000.000 đồng; tương đương 34.133.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 với mã giao dịch là VIG.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Grand Plaza, 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Chi nhánh Hà Thành	Tầng 4, Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

#### **1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Ngày 30/12/2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2014/TT-BTC thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.



*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.6 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	03 - 08 năm

## **2.8 . Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

## **2.9 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.



### **2.10 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng, trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng; đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

### **2.11 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

### **2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính hoặc chu kỳ kinh doanh.

Các chi phí đã phát sinh trong năm nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



## **2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.15 . Ghi nhận doanh thu**

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**2.16 . Các khoản thuế***Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

**2.17 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>
		VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>839.900</b>	<b>10.836.850.000</b>
- Cổ phiếu	839.900	10.836.850.000
<b>Của người đầu tư</b>	<b>237.713.114</b>	<b>2.698.444.928.800</b>
- Cổ phiếu	237.713.114	2.698.444.928.800
	<u><b>238.553.014</b></u>	<u><b>2.709.281.778.800</b></u>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.174.536.204	812.136.365
Tiền gửi ngân hàng	976.452.334	121.697.804.730
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	7.896.143.587	2.732.089.555
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của công ty	1.783.967	8.681.324
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	8.745.506.753	1.260.107.260
	<u><b>18.794.422.845</b></u>	<u><b>126.510.819.234</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			68.993.619.600	53.154.790.000	-	14.050.000	(997.749.600)	(2.553.770.000)	67.995.870.000	50.615.070.000
Chứng khoán niêm yết			1.316.159.600	5.757.330.000	-	14.050.000	(997.749.600)	(2.553.770.000)	318.410.000	3.217.610.000
- DXY	15.000	15.000	219.000.000	219.000.000	-	-	(160.500.000)	(145.500.000)	58.500.000	73.500.000
- TIG	-	329.900	-	5.509.330.000	-	-	-	(2.408.270.000)	-	3.101.060.000
- VIG	-	10.500	-	29.000.000	-	14.050.000	-	-	-	43.050.000
- SCL	32.900	-	1.097.159.600	-	-	-	(837.249.600)	-	259.910.000	-
Chứng khoán chưa niêm yết			67.677.460.000	47.397.460.000	-	-	-	-	67.677.460.000	47.397.460.000
- Công ty CP Tòa nhà CNTT - Truyền thông Hà Nội	2.400.000	1.200.000	43.680.000.000	23.400.000.000	-	-	-	-	43.680.000.000	23.400.000.000
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	312.425	100.000	2.700.000.000	2.700.000.000	-	-	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 68	499.983	499.983	11.897.460.000	11.897.460.000	-	-	-	-	11.897.460.000	11.897.460.000
- Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hà Nội	783.333	783.333	9.400.000.000	9.400.000.000	-	-	-	-	9.400.000.000	9.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác			730.000.000	22.107.159.600	-	-	(730.000.000)	(1.290.889.600)	-	20.816.270.000
Ủy thác đầu tư cho Công ty CP Đầu tư tài chính VICS (VICS Invest)			730.000.000	22.107.159.600	-	-	(730.000.000)	(1.290.889.600)	-	20.816.270.000
- Cổ phiếu SCL	-	32.900	-	1.097.159.600	-	-	-	(560.889.600)	-	536.270.000
- Cổ phiếu Công ty CP Tòa nhà CNTT - Truyền thông Hà Nội	-	1.200.000	-	20.280.000.000	-	-	-	-	-	20.280.000.000
- Đầu tư khác			730.000.000	730.000.000	-	-	(730.000.000)	(730.000.000)	-	-
			69.723.619.600	75.261.949.600	-	14.050.000	(1.727.749.600)	(3.844.659.600)	67.995.870.000	71.431.340.000

Ghi chú: Đối với các chứng khoán chưa niêm yết, tại thời điểm cuối năm do không thu thập được giá chứng khoán thực tế trên thị trường nên Công ty không trích lập dự phòng.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN**

	01/01/2015		Số phát sinh trong năm		31/12/2015		Tổng số dự phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>258.644.830</b>	-	<b>1.816.871.442</b>	<b>1.193.671.442</b>	<b>881.844.830</b>	-	<b>(258.644.830)</b>
- Phải thu dịch vụ tư vấn	258.644.830	-	1.209.477.094	586.277.094	881.844.830	-	(258.644.830)
- Phải thu hoạt động khác	-	-	607.394.348	607.394.348	-	-	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>718.271.240</b>	-	<b>5.090.000</b>	-	<b>723.361.240</b>	-	<b>(718.271.240)</b>
- Ứng trước tiền mua hàng hóa dịch vụ cho nhà cung cấp	718.271.240	-	5.090.000	-	723.361.240	-	(718.271.240)
<b>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	<b>17.199.458.841</b>	-	<b>241.113.457.428</b>	<b>240.932.062.589</b>	<b>17.380.853.680</b>	-	<b>(823.700.000)</b>
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	17.199.458.841	-	241.113.457.428	240.932.062.589	17.380.853.680	-	(823.700.000)
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>84.171.786.064</b>	-	<b>5.021.058.593</b>	<b>7.661.830.032</b>	<b>81.531.014.625</b>	-	<b>(20.947.829.716)</b>
- Bảo hiểm xã hội	39.367.638	-	-	39.367.638	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	54.331.311.001	-	-	1.739.872.203	52.591.438.798	-	(14.861.528.313)
- Phải thu các khoản ủy thác đầu tư đã thanh lý	7.292.859.505	-	-	27.549.782	7.265.309.723	-	(1.265.309.723)
- Phải thu các khoản lãi	17.972.543.649	-	3.075.173.625	-	21.047.717.274	-	(4.209.525.997)
- Phải thu khác	4.535.704.271	-	1.945.884.968	5.855.040.409	626.548.830	-	(611.465.683)
	<b>102.348.160.975</b>	-	<b>247.956.477.463</b>	<b>249.787.564.063</b>	<b>100.517.074.375</b>	-	<b>(22.748.445.786)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tại ngày 01/01	34.030.957.973	32.404.830.213
Trích lập/hoàn nhập	(11.282.512.187)	1.626.127.760
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>22.748.445.786</b>	<b>34.030.957.973</b>

**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	117.835.909	117.835.909
	<b>117.835.909</b>	<b>117.835.909</b>

**8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	3.461.723.380	131.512.459
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược (*)	110.551.033.102	551.033.102
	<b>114.012.756.482</b>	<b>682.545.561</b>

(\*) Bao gồm 110 tỷ đồng là khoản tiền đặt cọc mua bất động sản làm văn phòng Công ty theo hợp đồng môi giới số 02.2015/VICS-VLX ngày 05/01/2015 và phụ lục 01/02.2015/VICS-VLX ngày 05/04/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân.

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2015	1.057.495.150	3.615.436.604	5.655.573.714	10.328.505.468
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(113.569.980)	(113.569.980)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>1.057.495.150</b>	<b>3.615.436.604</b>	<b>5.542.003.734</b>	<b>10.214.935.488</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2015	870.230.416	2.739.214.230	4.791.412.871	8.400.857.517
Trích khấu hao	83.261.420	571.506.655	694.556.712	1.349.324.787
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(99.925.840)	(99.925.840)
Điều chỉnh do phân loại lại	48.925.474	(145.080.807)	(102.030.910)	(198.186.243)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>1.002.417.310</b>	<b>3.165.640.078</b>	<b>5.284.012.833</b>	<b>9.452.070.221</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2015	187.264.734	876.222.374	864.160.843	1.927.647.951
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>55.077.840</b>	<b>449.796.526</b>	<b>257.990.901</b>	<b>762.865.267</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 858.221.420 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm giao dịch, kế toán với nguyên giá là: 3.535.924.277 đồng; giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2015 là: 3.064.899.452 đồng, trong đó khấu hao tài sản cố định vô hình trong năm là 251.781.900, khấu hao tăng do điều chỉnh phân loại lại từ khấu hao tài sản cố định hữu hình sang khấu hao tài sản cố định vô hình là 198.186.243 đồng.

**11 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.326.783.055	2.326.783.055
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.062.559.496	836.793.955
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.509.342.551</b>	<b>3.283.577.010</b>

**12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	01/01/2015	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	20.662.937.426	-	1.000.000.000	19.662.937.426
Vay ngân hàng	20.662.937.426	-	1.000.000.000	19.662.937.426
	<b>20.662.937.426</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>19.662.937.426</b>

**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội <sup>(1)</sup>	19.662.937.426	20.662.937.426
	<b>19.662.937.426</b>	<b>20.662.937.426</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

(1) Hợp đồng vay tiền số 54/HĐVT/VICS ngày 17/12/2010, phụ lục ngày 01/09/2013 với nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: 9%/năm;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: tín chấp.

1105  
CÔNG TY  
KIỂM TRA  
AAS  
KIỂM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	76.776.873	7.522.651
Thuế Thu nhập cá nhân	572.206.474	401.269.500
	<u><b>648.983.347</b></u>	<u><b>408.792.151</b></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	5.510.891.687	3.708.898.647
	<u><b>5.510.891.687</b></u>	<u><b>3.708.898.647</b></u>

**15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	1.366.565	1.366.565
Kinh phí công đoàn	34.592.002	15.825.786
Bảo hiểm xã hội	28.453	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.641.650.340	3.992.194.535
Phải trả cổ tức cho cổ đông	104.625.000	104.625.000
Phải trả tiền thu từ đấu giá cổ phần	-	9.962.080.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	134.185.538	134.067.777
	<u><b>16.916.447.898</b></u>	<u><b>14.210.159.663</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Năm 2014</b>													
Tại ngày 01/01/2014	341.333.000.000	14.625.850.000	(10.400.000)	1.813.981.917	1.813.981.917	(135.692.466.482)	223.883.947.352						
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	10.009.452.736	10.009.452.736						
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>341.333.000.000</b>	<b>14.625.850.000</b>	<b>(10.400.000)</b>	<b>1.813.981.917</b>	<b>1.813.981.917</b>	<b>(125.683.013.746)</b>	<b>233.893.400.088</b>						
<b>Năm 2015</b>													
Tại ngày 01/01/2015	341.333.000.000	14.625.850.000	(10.400.000)	1.813.981.917	1.813.981.917	(125.683.013.746)	233.893.400.088						
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	6.670.790.894	6.670.790.894						
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	10.400.000	-	-	-	10.400.000						
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>341.333.000.000</b>	<b>14.625.850.000</b>	<b>-</b>	<b>1.813.981.917</b>	<b>1.813.981.917</b>	<b>(119.012.222.852)</b>	<b>240.574.590.982</b>						

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2015		01/01/2015		Tỷ lệ (%)
	VND	VND	VND	VND	
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	20.940.000.000	20.940.000.000	20.940.000.000	20.940.000.000	6,13%
Asean Small Cap Fund	43.444.000.000	43.444.000.000	43.444.000.000	43.444.000.000	12,73%
Cổ đồng khác	276.949.000.000	276.949.000.000	276.944.000.000	276.944.000.000	81,14%
Cổ phiếu quỹ	-	-	5.000.000	5.000.000	0,00%
	<b>341.333.000.000</b>	<b>341.333.000.000</b>	<b>341.333.000.000</b>	<b>341.333.000.000</b>	<b>100%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	341.333.000.000	341.333.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	341.333.000.000	341.333.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	341.333.000.000	341.333.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.133.300	34.133.300
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.133.300	34.132.800
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.133.300	34.132.800
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**17 . DOANH THU**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>9.709.570.938</b>	<b>14.220.676.882</b>
<b><i>Trong đó:</i></b>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.844.573.671	3.694.880.338
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	60.350.000	559.458.092
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.210.979.126	3.580.545.454
- Doanh thu khác	3.593.668.141	6.385.792.998
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>9.709.570.938</b>	<b>14.220.676.882</b>

**18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.386.054.852	1.688.736.491
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.546.130.000	1.560.184.235
Chi phí hoạt động tư vấn	72.814.012	3.134.502.235
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	249.588.457	237.909.075
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(2.131.910.000)	(16.710.814.569)
Chi phí khác	2.018.378.044	2.261.853.433
Chi phí trực tiếp chung	2.980.744.323	2.422.122.128
	<b>7.121.799.688</b>	<b>(5.405.506.972)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	341.333.000.000	341.333.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	341.333.000.000	341.333.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	341.333.000.000	341.333.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.133.300	34.133.300
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.133.300	34.132.800
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.133.300	34.132.800
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**17 . DOANH THU**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>9.709.570.938</b>	<b>14.220.676.882</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.844.573.671	3.694.880.338
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	60.350.000	559.458.092
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.210.979.126	3.580.545.454
- Doanh thu khác	3.593.668.141	6.385.792.998
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>9.709.570.938</b>	<b>14.220.676.882</b>

**18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.386.054.852	1.688.736.491
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.546.130.000	1.560.184.235
Chi phí hoạt động tư vấn	72.814.012	3.134.502.235
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	249.588.457	237.909.075
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(2.131.910.000)	(16.710.814.569)
Chi phí khác	2.018.378.044	2.261.853.433
Chi phí trực tiếp chung	2.980.744.323	2.422.122.128
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.121.799.688</b>	<b>(5.405.506.972)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.804.532.286	2.674.054.042
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	95.549.991	117.962.428
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.269.500.421	1.347.990.234
Thuế, phí và lệ phí	14.429.000	4.112.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(11.282.512.187)	1.626.127.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.915.377	3.218.502.613
Chi phí khác bằng tiền	2.530.651.729	639.156.945
	<b>(4.410.933.383)</b>	<b>9.627.906.022</b>

**20 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	18.600.000	-
Thu nhập khác	559.230.227	544.016.352
	<b>577.830.227</b>	<b>544.016.352</b>

**21 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	13.644.140	-
Chi phí nộp phạt	301.400.000	-
Chi phí khác	590.699.826	532.841.448
	<b>905.743.966</b>	<b>532.841.448</b>

**22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.670.790.894	10.009.452.736
- Chi phí không hợp lệ	341.516.667	1.601.182.544
Các khoản điều chỉnh giảm	(141.689.928.080)	(153.251.213.360)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(49.350.000)	(47.874.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	(141.640.578.080)	(153.203.339.360)
Tổng thu nhập tính thuế	(134.677.620.519)	(141.640.578.080)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(117.835.909)	(117.835.909)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>(117.835.909)</b>	<b>(117.835.909)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	6.670.790.894	10.009.452.736
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.670.790.894	10.009.452.736
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	34.133.226	34.132.800
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>195</b>	<b>293</b>

**24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.794.422.845	-	126.510.819.234	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	99.793.713.135	(22.030.174.546)	101.629.889.735	(33.312.686.733)
Đầu tư ngắn hạn	69.723.619.600	(1.727.749.600)	75.261.949.600	(3.844.659.600)
Đầu tư dài hạn	-	-	15.000.000	(15.000.000)
	<b>188.311.755.580</b>	<b>(23.757.924.146)</b>	<b>303.417.658.569</b>	<b>(37.172.346.333)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	19.662.937.426	20.662.937.426
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	16.916.447.898	14.561.140.205
Chi phí phải trả	5.510.891.687	3.708.898.647
	<b>42.090.277.011</b>	<b>38.932.976.278</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.794.422.845	-	-	18.794.422.845
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	77.763.538.589	-	-	77.763.538.589
Đầu tư ngắn hạn	67.995.870.000	-	-	67.995.870.000
	<b>164.553.831.434</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>164.553.831.434</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	126.510.819.234	-	-	126.510.819.234
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	68.317.203.002	-	-	68.317.203.002
Đầu tư ngắn hạn	71.417.290.000	-	-	71.417.290.000
	<b>266.245.312.236</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>266.245.312.236</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	19.662.937.426	-	-	19.662.937.426
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	16.916.447.898	-	-	16.916.447.898
Chi phí phải trả	5.510.891.687	-	-	5.510.891.687
	<b>42.090.277.011</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>42.090.277.011</b>

<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	20.662.937.426	-	-	20.662.937.426
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	14.561.140.205	-	-	14.561.140.205
Chi phí phải trả	3.708.898.647	-	-	3.708.898.647
	<b>38.932.976.278</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38.932.976.278</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**25 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NĂM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản tiền giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	16.641.650.340	3.992.196.815
	<u><b>16.641.650.340</b></u>	<u><b>3.992.196.815</b></u>

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phần	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	4.844.573.671	60.350.000	4.804.647.267	9.709.570.938	-	9.709.570.938
Chi phí bộ phận trực tiếp	1.386.054.852	414.220.000	2.340.780.513	4.141.055.365	-	4.141.055.365
Chi phí không phân bổ	-	-	-	2.980.744.323	-	2.980.744.323
<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.458.518.819</b>	<b>(353.870.000)</b>	<b>2.463.866.754</b>	<b>2.587.771.250</b>	<b>-</b>	<b>2.587.771.250</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	20.150.992.891	67.265.870.000	78.849.447.031	166.266.309.922	-	166.266.309.922
Tài sản không phân bổ	-	-	-	117.252.798.870	-	117.252.798.870
<b>Tổng tài sản</b>	<b>20.150.992.891</b>	<b>67.265.870.000</b>	<b>78.849.447.031</b>	<b>283.519.108.792</b>	<b>-</b>	<b>283.519.108.792</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	16.641.650.340	-	-	16.641.650.340	-	16.641.650.340
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	26.302.867.470	-	26.302.867.470
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>16.641.650.340</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>42.944.517.810</b>	<b>-</b>	<b>42.944.517.810</b>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ các hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.330.480.964	1.340.808.788

**29 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Vũ Huyền Trâm  
Người lập



Vũ Huyền Trâm  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biều  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2016